| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ CẦN THƠ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 10/2020/NQ-HĐND | *Cần Thơ, ngày 04 tháng 12 năm 2020* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023;*

*Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

**1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của thành phố Cần Thơ.

b) Đối tượng áp dụng:

- Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước (dưới đây gọi tắt là Sở, ban, ngành và quận, huyện);

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

**2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025**

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

a) Quốc phòng: Hỗ trợ đầu tư các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách địa phương theo phân cấp, trong khả năng cân đối ngân sách thành phố và thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân thành phố.

b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Hỗ trợ đầu tư các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực mục tiêu an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra, phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách địa phương theo phân cấp, trong khả năng cân đối ngân sách thành phố và thoả thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học công lập do thành phố quản lý.

d) Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

đ) Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh thực phẩm.

e) Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

- Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

- Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.

g) Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

h) Thể dục thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

i) Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

- Môi trường: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

- Tài nguyên: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

k) Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

- Nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh;

- Công nghiệp: Cấp điện nông thôn;

- Giao thông: Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa;

- Khu công nghiệp: Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- Thương mại: Trung tâm hội chợ triển lãm; các dự án chợ đầu mối, chợ nông thôn không thể thực hiện xã hội hóa, trung tâm logistic;

- Cấp nước, thoát nước;

- Kho tàng: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

- Du lịch: Cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

- Viễn thông: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

- Bưu chính: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

- Công nghệ thông tin: Các dự án hạ tầng thông tin số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;

- Quy hoạch: Các nhiệm vụ quy hoạch;

- Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới;

- Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước.

m) Xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác.

n) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố; các nhiệm vụ, chương trình dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân loại dự án theo ngành, lĩnh vực, sẽ căn cứ vào mục tiêu chính của dự án. Riêng đối với dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, trong đó có mục tiêu quốc phòng, an ninh nhưng không phải là mục tiêu chính, phân loại dự án theo ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

**3. Nguyên tắc chung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của thành phố**

a) Phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành cấp thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của thành phố.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo đảm các cân đối lớn, an toàn nợ công. Tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

đ) Bố trí vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

e) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ở các nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sống tập trung; thực hiện mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu, các khâu đột phá của thành phố, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

g) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

h) Dành vốn ngân sách dự phòng theo đúng quy định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn.

**4. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 cho các Sở, ban, ngành cấp thành phố và quận, huyện**

Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể như sau:

a) Theo các tiêu chí và định mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được quy định tại Nghị quyết này, áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025, làm căn cứ xác định số vốn cân đối của ngân sách thành phố cho ngân sách quận, huyện.

b) Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nước ngoài (ODA), giao theo danh mục đã đăng ký với Trung ương và chỉ tiêu Trung ương giao, kể cả hoàn trả vốn ứng trước (nếu có).

c) Đối với các nguồn vốn ngân sách địa phương quản lý (gồm nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, tiền sử dụng đất, nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, nguồn khai thác thêm từ quỹ đất, mặt nước (nếu có), phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí hoàn vốn tạm ứng các năm trước (nếu có);

- Số vốn còn lại phân bổ như sau: Dự án, công trình do thành phố quản lý 60%; dự án, công trình do quận, huyện quản lý 40%.

d) Số vốn tại điểm b khoản 3 Điều này được bố trí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

- Phân bổ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (nếu có); dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng các quy định tại Khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

đ) Các dự án, công trình được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch được duyệt, có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

e) Đối với nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết thực hiện như sau:

- Bố trí 50% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế;

- Bố trí 10% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu;

- Bố trí 40% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết còn lại cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương;

- Đối với các quận không thuộc đối tượng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, được sử dụng 10% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết để bố trí cho các công trình quan trọng theo nhu cầu đầu tư của quận. Trong đó, ưu tiên bố trí thêm cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế, các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Số tăng thu thực hiện từ hoạt động xổ số kiến thiết so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (nếu có), ưu tiên đầu tư cho các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hàng năm, tùy theo nhu cầu đầu tư cho xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và các công trình phúc lợi xã hội quan trọng khác, Hội đồng nhân dân thành phố xem xét quyết nghị cụ thể tỷ lệ đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và một số ngành, lĩnh vực khác theo đúng quy định.

**5. Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn cân đối ngân sách địa phương, tiền sử dụng đất, nguồn khai thác thêm từ quỹ đất, mặt nước (nếu có), nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết cho các quận, huyện**

Vốn từ các nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương gồm: Nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết phân bổ cho các quận, huyện theo nguyên tắc được quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này và các tiêu chí, cách tính điểm cụ thể như sau:

a) Các tiêu chí và cách tính điểm của từng tiêu chí:

- Nhóm tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí*:* Số dân trung bình của quận, huyện (xác định theo số liệu công bố theo Niên giám thống kê năm 2019) và số người dân tộc thiểu số (xác định theo số liệu do Ban Dân tộc thành phố cung cấp đến thời điểm cuối năm 2019). Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí số dân trung bình của quận, huyện

| Số dân | Điểm |
|---|---|
| Đến 90.000 người được tính | 10 |
| Từ 90.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm | 1 |

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

| Số dân | Điểm |
|---|---|
| Dưới 1.000 người dân tộc thiểu số không được tính điểm | |
| Từ 1.000 - 5.000 người dân tộc thiểu số | 1 |
| Trên 5.000 người dân tộc thiểu số, cứ mỗi 1.000 người dân tộc thiểu số tăng thêm thì được tính thêm | 0,25 |

- Nhóm Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo (được xác định theo Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả rà soát số hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố Cần Thơ năm 2019) và số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, được căn cứ vào Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố). Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

| **Tỷ lệ hộ nghèo** | **Điểm** |
|---|---|
| Từ 0,5% tỷ lệ hộ nghèo trở xuống được tính | 1 |
| Trên 0,5% tỷ lệ hộ nghèo, cứ 0,1% tăng thêm được tính thêm | 0,5 |

(2) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất)

| **Thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất)** | **Điểm** |
|---|---|
| Từ 50 tỷ đồng trở xuống được tính | 1 |
| Trên 50 tỷ đến 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm | 1 |
| Trên 100 tỷ đến 500 tỷ đồng, cứ 20 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm | 0,5 |
| Trên 500 tỷ đồng trở lên, cứ 20 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm | 0,25 |

- Tiêu chí diện tích, gồm 2 tiêu chí: Diện tích tự nhiên (xác định theo số liệu công bố theo Niên giám thống kê năm 2019) và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/Tổng diện tích đất tự nhiên (sau đây gọi tắt là tỷ lệ diện tích đất trồng lúa, lấy số liệu diện tích đất trồng lúa đông xuân theo Niên giám thống kê năm 2019). Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên

| **Diện tích đất tự nhiên** | **Điểm** |
|---|---|
| Dưới 5.000 ha được tính | 5 |
| Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha, cứ tăng thêm 1.000 ha thì tính thêm | 0,5 |
| Trên 10.000 ha, cứ tăng thêm 1.000 ha thì được tính thêm | 0,25 |

(2) Điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất trồng lúa

| **Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/Tổng diện tích đất tự nhiên** | **Điểm** |
|---|---|
| - Dưới 10% không được tính điểm | |
| - Từ 10% đến 20%, cứ 1% tăng thêm được tính | 0,4 |
| - Trên 20%, cứ 1% tăng thêm được tính | 0,2 |

- Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (đơn vị cấp xã)

| Đơn vị hành chính | Điểm |
|---|---|
| Mỗi đơn vị cấp xã được tính | 1 |

đ) Các tiêu chí bổ sung, gồm 3 tiêu chí: Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp (xác định theo số liệu công bố theo Niên giám thống kê năm 2019); xây dựng nông thôn mới nâng cao; phường, thị trấn văn minh đô thị; điểm thưởng cho địa phương thực hiện xây dựng và phát triển theo Nghị quyết của Thành ủy. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp

| Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp/Tổng diện tích đất tự nhiên | Điểm |
|---|---|
| - Dưới 10% không được tính điểm | |
| - Từ 10% đến 50%, cứ 5% tăng thêm được tính | 0,5 |
| - Trên 50%, cứ 5% tăng thêm được tính | 0,25 |

(2) Điểm của tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao; phường, thị trấn văn minh đô thị

| Xã nông thôn mới | Điểm |
|---|---|
| Mỗi xã đã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao | 2 |
| Mỗi xã chưa được công nhận xã nông thôn mới nâng cao | 1 |
| Mỗi phường, thị trấn đã được công nhận văn minh đô thị | 2 |
| Mỗi phường, thị trấn chưa được công nhận văn minh đô thị | 1 |

(3) Điểm thưởng cho địa phương thực hiện xây dựng và phát triển theo Nghị quyết của Thành ủy: Địa phương thực hiện xây dựng và phát triển theo Nghị quyết của Thành ủy nhưng chưa được hưởng chính sách ưu tiên đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, thì được cộng 5 điểm.

b) Xác định mức vốn đầu tư công phân bổ cho các quận, huyện

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 9 quận, huyện, làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối. Tổng vốn cân đối cho các quận, huyện được tính như sau:

$$\text{Tổng vốn đầu tư cân đối cho mỗi quận, huyện} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư phân bổ cho các quận, huyện}}{\text{Tổng số điểm của các quận, huyện}} \times \text{Số điểm của mỗi quận, huyện}$$

**Điều 2. Trách nhiệm thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Hiểu**